

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2025/HNGĐ-PT

Ngày 21 - 3 - 2025

V/v ly hôn, tranh chấp con chung,
tài sản chung và nợ chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thái Thị Phi Yến

Các Thẩm phán: Ông Bùi Trọng Danh

Bà Đỗ Thị Thúy Năng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Tuyết Mai, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Lê Anh Pha, Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 31/2024/HNGĐ-PT ngày 25 tháng 11 năm 2024 về việc “ly hôn, tranh chấp con chung, tài sản chung và nợ chung”. Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 75/2024/HNGĐ-ST ngày 14 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân quận L, thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 01/2025/QĐ-PT ngày 24 tháng 01 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2025/QĐ-PT ngày 21 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị V, sinh năm 1991; Địa chỉ: đường L, phường A, quận T, thành phố Đà Nẵng (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Hoàng Thị V: Ông Tạ Q - Luật sư Công ty Luật T thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội (vắng mặt).

- Bị đơn: Ông Trình Thế L, sinh năm 1982; Địa chỉ: đường Đ, tổ 59, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Trình Thế Lâm: Ông Nguyễn H, Luật sư của Công ty Luật TNHH D thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đà Nẵng (có mặt).

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Ngân hàng Thương mại cổ phần N; Trụ sở: đường K, phường L, quận H, thành phố Hà Nội;

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn M - Phó trưởng phòng KH bán lẻ Ngân hàng TMCP N; Địa chỉ: đường L, quận H, thành phố Đà Nẵng (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn bà Hoàng Thị V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm nội dung vụ án như sau:

** Nguyên đơn bà Hoàng Thị V trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Ngày 02/09/2019, bà và ông Trình Thế L tự nguyện kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận và yên ổn. Bắt đầu năm 2021, vợ chồng nhiều lần xảy ra mâu thuẫn và có xô xát khiến bà bị tổn thương nghiêm trọng về sức khỏe thể chất lẫn tinh thần. Mặc dù nhiều lần cố gắng hàn gắn nhưng vợ chồng do quá khác biệt về quan điểm, lối sinh hoạt, cách sống khiến cho cuộc sống hôn nhân không thể tiếp tục và ảnh hưởng nghiêm trọng đến con. Hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông L.

Về con chung: Bà xác định vợ chồng có 01 con chung là Trình Phương A, sinh ngày 16/09/2020. Cháu là con duy nhất và cũng là cháu ngoại duy nhất của bố mẹ bà V cũng như phía nhà nội. Năm 2022, bà được trường Đại học D - nơi bà đang là giảng viên chính thức tạo điều kiện nhận học bổng du học nâng cao trình độ chuyên môn tại Đài Loan. Thời gian trước khi đi du học, bà đã đề nghị đưa con bà đi cùng để học tập và chăm sóc (do bà được tạo điều kiện và có đủ khả năng kinh tế để đưa mẹ đẻ của bà và con gái cùng đi để chăm sóc) nhưng ông L không đồng ý và nhiều lần đe dọa bà "nếu mày đưa con đi tao sẽ chôn sống cả nhà mày". Vì vậy, tháng 9 năm 2022, bà đi du học tại Đài Loan mà không thể đưa con theo cùng. Thời gian này, cháu A do ông L nuôi dưỡng và có bà nội cháu hỗ trợ chăm sóc. Bà rất thương nhớ con và thường xuyên gọi điện cho cháu nhưng ông L và mẹ chồng thường xuyên không nghe máy và không cho bà được gặp con. Bà đã phải nhiều lần gọi điện cho hàng xóm để xin nhờ gặp cháu. Khi bà về nước thăm con thì gia đình chồng không cho bà vào nhà, còn đóng gói đồ đạc của bà, đuổi bà phải dọn ra khỏi chính ngôi nhà mà hai vợ chồng đã vay ngân hàng để mua. Tuy nhiên sau này, ông L và mẹ ông L lại rêu rao là bà bỏ rơi con bà, gây ảnh hưởng đến tình

cảm mẹ con bà và tâm lý của cháu. Bà thiết tha, mong muốn và đề nghị được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con gái mình, bởi các lý do sau:

Thứ nhất, cháu A là con gái, cháu còn nhỏ lại phải sống xa mẹ nên có nhiều vấn đề nhạy cảm về sức khỏe và tâm lý trẻ em. Bà mong muốn được chăm sóc kỹ lưỡng nhất trong từng giai đoạn phát triển của con, đặc biệt là trong giai đoạn khủng hoảng phát triển tuổi từ 3 đến 5 và độ tuổi dậy thì. Là một người mẹ và là một giảng viên đại học, bà đảm bảo khả năng tài chính, nhận thức và đạo đức của bản thân nên hoàn toàn có thể nuôi dạy con nên người và cho con những điều tốt nhất.

Thứ hai, điều kiện cuộc sống của ông L không phù hợp để nuôi dưỡng, dạy dỗ và chăm sóc con: Ông L hiện đang làm trong ngành kiểm toán, tính chất công việc là thường xuyên phải đi công tác xa và thường kéo dài nhiều tuần, thậm chí nhiều tháng. Những lúc đi vắng thì mẹ chồng là người chăm sóc cháu. Ngoài ra, về hoàn cảnh gia đình, bố mẹ chồng đều đã già yếu (hơn 70 tuổi), bố chồng hiện mắc nhiều bệnh, cần phải điều trị, chăm sóc đặc biệt, thường xuyên phải ra bệnh viện. Em chồng hiện không có công việc ổn định và mắc bệnh trầm cảm, thường xuyên phải điều trị tại bệnh viện tâm thần. Ông L là người chịu trách nhiệm về tài chính trong nhà. Tất cả những điều này sẽ ảnh hưởng một cách trực tiếp và nghiêm trọng tới môi trường sống bình thường của con gái.

Thứ ba, về vấn đề lối sống và đạo đức của ông L: Trước khi lấy bà, ông L đã từng kết hôn và đã ly hôn. Nguyên nhân ly hôn do cách sống và đối xử không tốt với người vợ trước, hai anh chị không có con chung. Trong thời gian chung sống với bà, ông L là một người rất nóng tính, gia trưởng và thường xuyên sử dụng từ ngữ thô tục, cộc cằn, thiếu văn hóa, thậm chí còn sử dụng vũ lực đối với bà. Nếu ở với ông L cháu sẽ bị ảnh hưởng bởi tính cách gia trưởng, vũ phu của bố mẹ ông L cũng thường xuyên gieo vào đầu con bà những từ ngữ, suy nghĩ tiêu cực, làm ảnh hưởng tới nhận thức của cháu và sai lệch tình cảm của mẹ con bà.

Cháu A rất thiết thòi do bố và bà nội ngăn cấm để đón nhận tình yêu thương, chăm sóc của mẹ. Bà có quyền được yêu thương và chăm sóc con của mình. Bởi các lý do trên, bà đề nghị Tòa án trao cho bà quyền nuôi con khi ly hôn để đảm bảo điều kiện sống tốt nhất cho cháu. Để cháu được sống trong môi trường được yêu thương, thoải mái và lành mạnh. Đồng thời, việc bà được quyền nuôi con gái cũng sẽ giúp ông L giảm bớt gánh nặng kinh tế, tập trung chăm sóc, lo toan cho bản thân, bố mẹ già và em trai bị bệnh của mình. Bà cam kết không ngăn cản và sẽ tạo điều kiện để bố cháu và gia đình bên nội được yêu thương, gần gũi và chăm sóc cháu khi có điều kiện để cháu được đón nhận đầy đủ tình thương của cả bố lẫn mẹ và phát triển một cách bình thường.

Về tài sản chung: Trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng có 01 ngôi nhà tại địa chỉ đường Đ, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng, diện tích 75,2m², thửa đất số 87 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 418304.CN.001 cấp ngày

03/11/2016. Đây là ngôi nhà được mua khi hai vợ chồng đang còn chung sống hòa thuận, cùng vay tiền ngân hàng để mua nhà và cùng nhau trả lãi ngân hàng hàng tháng. Đối với tài sản này, bà mong muốn được chia theo đúng quy định pháp luật. Đồng thời, ông L phải tự chịu trách nhiệm đối với những khoản nợ riêng do ông L vay mượn bên ngoài mà không có sự đồng ý của bà hoặc bà không được biết. Bà là một người phụ nữ yếu thế nhưng có đầy đủ điều kiện về tài chính, vật chất và tinh thần để có thể đảm bảo cho con cuộc sống tốt nhất. Trong thời gian bị ngăn cấm được gặp, yêu thương, chăm sóc con, bà rất đau đớn khi nghĩ về những thiệt thòi mà con gái bà phải chịu đựng. Bà rất mong Tòa án xem xét yêu cầu của bà để bà và con gái sớm được đoàn tụ, cháu sớm được ổn định cuộc sống để tiếp tục học tập bình thường như bao bạn bè cùng trang lứa.

Quá trình hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm bà đồng ý giao nhà cho ông L sở hữu, ông L có trách nhiệm trả tiền mặt cho bà, tỉ lệ bà đề nghị nhận là bà 30%, ông L 70% trên giá trị tài sản. Đối với kết quả thẩm định giá tài sản chung thì bà đồng ý.

Về nợ chung: Bà đề nghị Tòa án chia ông L 60%, bà 40% trên số nợ chung. Ông L sẽ chịu toàn bộ trách nhiệm trả nợ chung và trả tiền cho bà số tiền 250.000.000 đồng,

** Bị đơn ông Trình Thế L trình bày:*

Ông và bà Hoàng Thị V đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 02/9/2019. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Trong khoảng thời gian chung sống, ông và bà V có với nhau 01 con chung là cháu Trình Phương A, sinh ngày 16/09/2020 và tạo lập được nhà và đất tại địa chỉ tổ 59, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CTs 108372. Quá trình sống chung, ông và bà V trải qua nhiều mâu thuẫn, nhưng với trách nhiệm của người chồng, người cha, ông cũng đã cố gắng hòa giải, chủ động tổ chức họp gia đình để hàn gắn tình cảm, để con có được sự yêu thương trọn vẹn từ bố mẹ. Tuy nhiên, bà V lại không có hành động thiện chí, tôn trọng cuộc sống gia đình, không thể hiện sự vun vén hạnh phúc gia đình. Đồng thời bên phía nhà ngoại của con ông có những lời lẽ không hay, không vun đắp để vợ chồng ông tiếp tục cuộc sống hôn nhân hạnh phúc. Trong thời gian ông đang cố gắng gìn giữ hòa khí trong gia đình thì bà V nộp đơn khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và nuôi con chung. Đến nay, bản thân ông nhận thấy tình cảm giữa ông và bà V đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông các vấn đề như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Ông thống nhất và đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết cho ông và bà V được ly hôn.

Về con chung: Ông không đồng ý yêu cầu của bà V về việc bà V trực tiếp nuôi con. Ông có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung là cháu Trình Phương A, ông không yêu cầu bà V cấp dưỡng nuôi con. Bởi lẽ:

Thứ nhất, trong suốt thời gian chung sống, ông là người dành nhiều thời gian trong việc chăm sóc và nuôi dưỡng từ khi cháu mới sinh ra cho đến thời điểm hiện tại, từ - bữa ăn đến giấc ngủ. Bà V đi học tại Đà Loan từ tháng 9 năm 2022 đến nay và còn học thêm một thời gian dài nữa, không có nhiều thời gian để chăm sóc, quan tâm con. Hiện tại, cháu A vẫn đang ở với ông, dựa trên trách nhiệm của một người cha, ông tin rằng việc ông được chăm sóc và nuôi dưỡng cháu sẽ mang lại môi trường tốt nhất cho sự phát triển và hạnh phúc của cháu.

Thứ hai, lỗi dẫn đến việc ly hôn xuất phát từ bà V, những lần cãi nhau, ông luôn là người chủ động hòa giải, hàn gắn để cuộc sống hôn nhân được êm đềm, hạnh phúc, để con có được sự yêu thương trọn vẹn. Tuy nhiên, bà V lại không quan tâm, có những lúc vợ chồng cãi nhau thì bà V lại bỏ nhà đi 2 - 3 ngày không về, không hề quan tâm, lo lắng cho con, đơn cử như ngày 30/6/2022, sau khi đón con từ quê vào Đà Nẵng để gia đình đi du lịch cùng công ty (ngày Gia đình Việt Nam), để bà V có nhìn nhận về cuộc sống của gia đình, đồng nghiệp mà thay đổi ý định đi học ở nước ngoài, tập trung vào chăm sóc con nhỏ và gia đình, nhưng bà V vẫn bỏ mặc, không quan tâm, chăm sóc con. Những lúc bà V nghỉ phép về Việt Nam thì cũng không dành thời gian chơi với con, chăm sóc con. Vào tháng 9 năm 2023 bà V về để tổ chức sinh nhật cho con, thì bà V chỉ ở chơi với con được 2 - 3 ngày rồi bỏ về quê cả tháng trời. Đây là điều ông không thể chấp nhận được khi với tư cách là một người mẹ nhưng bà V lại hành động như vậy.

Thứ ba, ông có chỗ ở ổn định, có khả năng tài chính đủ tốt để đảm bảo cháu A có được một cuộc sống an lành và đầy đủ, không thiếu thốn. Ông đã tích góp và duy trì một nguồn thu nhập ổn định, đủ để chi trả mọi chi phí cần thiết cho cháu, từ chế độ dinh dưỡng đến giáo dục và sức khỏe cho cháu, thậm chí ông cũng đảm luôn việc nấu ăn, chăm sóc sinh hoạt hằng ngày cho cháu.

Qua những căn cứ mà ông trình bày ở trên, nhận thấy bà V không xứng đáng và không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục để cho con ông có một môi trường thuận lợi và phát triển toàn diện của cháu. Thay vào đó, khi ở với ông, con ông sẽ nhận được sự chăm sóc tốt nhất, giáo dục đúng đắn và một môi trường gia đình ổn định, giúp cháu có cơ hội phát triển tối đa và hạnh phúc trong cuộc sống. Ông không yêu cầu bà V cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng có nhà đất tại địa chỉ phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng, diện tích 75,2m², thửa đất số 87 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 418304.CN.001 cấp ngày 03/11/2016. Tuy nhiên hiện tại nợ chung là 1.600.000.000 đồng, sau khi bán nhà trả hết nợ thì còn lại bao nhiêu tiền chia đôi cho hai vợ chồng.

- Về nợ chung: Ông xác nhận ông và bà V có vay Ngân hàng TMCP N số tiền 1.100.000.000 đồng (Một tỷ một trăm triệu đồng) để mua nhà, đồng thời còn vay thêm bạn bè, người thân số tiền 500.000.000 đồng để mua nhà và sinh hoạt gia đình.

Tại phiên hòa giải ngày 10/8/2024 và phiên tòa sơ thẩm, ông thống nhất với đề nghị của bà V về việc chia tài sản chung và nợ chung như sau: Ông nhận tài sản và có trách nhiệm thời trả tiền mặt cho bà V. Căn cứ vào kết quả thẩm định giá và sau khi tính toán trừ đi các nghĩa vụ trả nợ. Tổng số tiền ông thời trả cho bà V là 250.000.000 đồng, ông sẽ chịu toàn bộ trách nhiệm trả nợ chung.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông L tự nguyện rút lại toàn bộ yêu cầu đòi phân chia nợ chung đối với nợ của Công ty TNHH K, bà Nguyễn Thị H, ông Phạm Quang T, ông Trình Văn H, bà Trình Thị P, ông Trịnh Hữu L, ông Đỗ Minh K, ông Nguyễn Việt T, ông Nguyễn Hải N, ông Đặng Văn H.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng TMCP N - đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Văn M trình bày:*

Ông Trình Thế L và bà Hoàng Thị V thiết lập quan hệ vay vốn tại Ngân Hàng TMCP N - Chi nhánh Đà Nẵng từ tháng 05/2021 theo Hợp đồng tín dụng số 153/2021/VCB-HK ngày 10/05/2021, số tiền cho vay 1.100.000.000 đồng, mục đích vay để mua nhà ở. Tài sản để đảm bảo cho khoản nợ trên là Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại phường H, quận L, Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 940418 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 26/09/2016 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và nhà ở số 88/2021/VCB-HK ngày 14/05/2021 ký giữa Ngân hàng N chi nhánh Đà Nẵng và ông Trình Thế L, bà Hoàng Thị V, đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 14/05/2021.

Ông L và bà V đang nợ Ngân hàng TMCP N tính đến ngày 16/7/2024 là 930.764.861 đồng (trong đó nợ gốc là 925.960.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 4.804.861 đồng).

Ngân hàng yêu cầu vợ chồng ông L và bà V có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng đúng hạn theo đúng quy định tại Hợp đồng tín dụng đã ký kết. Tuy nhiên vì hiện tại khoản nợ của vợ chồng ông L, bà V vẫn được trả đúng hạn, do đó Ngân hàng không có yêu cầu độc lập.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Đặng Văn H có văn bản trình bày:*

Ông H có cho ông Trình Thế L vay số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu) vào các lần: Tháng 05 năm 2021 cho ông L vay 10.000.000đ; Ngày 24/6/2021 cho ông L vay 10.000.000đ; Ngày 30/7/2021 cho ông L vay 10.000.000đ; Đến nay ông L đã trả đầy đủ.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Hải N có văn bản trình bày:*

Ông có cho ông L vay số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) vào ngày 23/4/2022, ông đã chuyển khoản cho ông L qua tài khoản cá nhân, đến nay ông L vẫn chưa trả.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Viết T có văn bản trình bày:*

Ông đã chuyển khoản cho ông L vay số tiền 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng) 02 lần: Ngày 05/4/2022 chuyển 50.000.000đ; Ngày 20/7/2022 chuyển 20.000.000đ. Đến nay ông L vẫn chưa trả.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Trình Xuân H có văn bản trình bày:*

Ông đã chuyển khoản cho ông L vay số tiền 45.000.000đ (Bốn mươi lăm triệu đồng) vào 02 lần: Ngày 27/5/2021 chuyển 25.000.000đ; Ngày 10/9/2021 chuyển 20.000.000đ. Đến nay ông L đã trả được 30.000.000đ, còn nợ lại 15.000.000đ vẫn chưa trả.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Trình Thị P vắng mặt tại phiên toà, có văn bản trình bày:*

Bà đã chuyển khoản cho ông L vay số tiền 76.000.000đ (Bảy mươi sáu triệu đồng) 03 lần: Ngày 31/5/2021 chuyển 31.000.000đ; Ngày 21/10/2021 chuyển 30.000.000đ; Ngày 08/7/2022 chuyển 15.000.000đ. Đến nay ông L vẫn chưa trả.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị H có văn bản trình bày:*

Bà đã chuyển khoản cho ông L vay số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) 02 lần: Ngày 03/5/2021 chuyển 80.000.000đ; Ngày 04/5/2021 chuyển 20.000.000đ. Đây là số tiền bà vay giùm có lãi suất 01%/tháng, tiền lãi tính đến ngày 04/5/2024 là 36 tháng x 1.000.000đ/tháng = 36.000.000đ. Đến nay ông L vẫn chưa trả lãi và gốc cho bà.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Đỗ Minh K có văn bản trình bày:*

Ông có vay giúp và chuyển khoản cho ông L vay số tiền 100.000.000đ vào ngày 28/12/2021, đến nay ông L đã trả lại nợ gốc, còn 6.000.000đ tiền lãi thì ông L chưa trả.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là Công ty TNHH K có văn bản trình bày:*

Ngày 09/12/2021, Công ty TNHH K đã chuyển cho ông L vay số tiền 50.000.000đ kèm theo chứng từ giao dịch Ngân hàng số 091221.5056.055961 của Ngân hàng TMCP N.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Phạm Quang T có văn bản trình bày:*

Ông có cho ông L vay số tiền 70.000.000 đồng và đến nay ông L chưa trả.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Trịnh Hữu L không có ý kiến trình bày.*

Quyết định của bản án sơ thẩm như sau:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 244; Điều 271 và khoản 1 điều 273, của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 29, 33, 37, 38, 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần đơn khởi kiện về việc “Ly hôn, nuôi con chung, chia tài sản chung, nợ chung” của bà Hoàng Thị V đối với ông Trình Thế L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn của bà Hoàng Thị V và ông Trình Thế L.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung là Trình Phương A, sinh ngày 16/9/2020 cho ông Trình Thế L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi, Bà Hoàng Thị V không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Các bên đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Công nhận sự thỏa thuận của ông Trình Thế L và bà Hoàng Thị V.

Xác định nhà đất tại thửa đất số 87, tờ bản đồ số 245, diện tích đất là 75,2m²; diện tích xây dựng là 64,2m²; diện tích sử dụng là 64,2m²; Kết cấu nhà cấp IV, 01 tầng, móng đá hộc, cột dầm, mái tôn, trần thạch cao, tường xây có địa chỉ tại phường H, quận L, Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận số CD 940418 do Sở Tài nguyên Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 26/09/2016 cho ông Trình Thế L và bà Hoàng Thị V là tài sản chung vợ chồng.

Giao cho ông Trình Thế L được quyền quản lý, sử dụng, sở hữu toàn bộ nhà đất tại thửa đất số 87, tờ bản đồ số 245, diện tích đất là 75,2m²; diện tích xây dựng là 64,2m²; diện tích sử dụng là 64,2m²; Kết cấu nhà cấp IV, 01 tầng, móng đá hộc, cột dầm, mái tôn, trần thạch cao, tường xây có địa chỉ tại phường H, quận L, Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận số CD 940418 do Sở Tài nguyên Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 26/09/2016.

Ông Trình Thế L có nghĩa vụ bồi trả cho bà Hoàng Thị V số tiền 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng).

Ông Trình Thế L có quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục để được đứng tên nhà đất được giao quyền sử dụng, sở hữu theo quy định của pháp luật.

4. Về nợ chung:

Đình chỉ yêu cầu chia nợ chung đối với những khoản nợ của Công ty TNHH K, bà Nguyễn Thị H, ông Phạm Quang T, ông Trình Văn H, bà Trình Thị P, ông Trình Hữu L, ông Đỗ Minh K, ông Nguyễn Việt T, ông Nguyễn Hải N, ông Đặng Văn H.

Ông Trình Thế L có nghĩa vụ trả nợ chung là khoản vay tại Ngân Hàng TMCP N - Chi nhánh Đà Nẵng với số tiền tạm tính đến ngày 16/7/2024 là 930.764.861 đồng (Chín trăm ba mươi triệu bảy trăm sáu mươi tư ngàn tám trăm sáu mươi một đồng) theo Hợp đồng tín dụng số 153/2021/VCB-HK ngày 10/05/2021.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án cho các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm: Ngày 25/9/2024, nguyên đơn bà Hoàng Thị V nộp đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm về con chung và tài sản chung. Bà V yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét cho bà được quyền nuôi con Trình Phương A; về tài sản chung bà đề nghị xem xét chia theo pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng nhận định:

Về tố tụng:

[1] Ngày 25/9/2024, nguyên đơn bà Hoàng Thị V nộp đơn kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời gian luật định, xét thấy đơn kháng cáo hợp lệ theo quy định tại Điều 272 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được HĐXX chấp nhận xem xét kháng cáo.

Về nội dung: Xét kháng cáo của bà Hoàng Thị V về con chung và tài sản chung thì thấy:

[2] Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, bà Hoàng Thị V và ông Trình Thế L có một con Trình Phương A, sinh ngày 16/9/2020. Theo đơn kháng cáo cũng như tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bà V cho rằng cấp sơ thẩm quyết định giao con cho ông L nuôi dưỡng là không phù hợp, bởi vì hiện nay ông L làm trong ngành kiểm toán, tính chất công việc là thường xuyên phải đi công tác dài ngày nên không trực tiếp chăm sóc con mà phần lớn ông L đều giao cho ông bà nội cháu A chăm sóc nhưng ông bà nội đã lớn tuổi, sức khỏe yếu, hay đau ốm. Ngoài ra bản

tính của ông L rất hung hăng, vũ phu nên nuôi dạy cháu A sẽ bị ảnh hưởng đến tính cách của cháu. Do đó, bà V đề nghị cấp phúc thẩm xem xét cho bà được nuôi dưỡng cháu A, bà không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con. Đối với ông L, ông cho rằng bà V bỏ con đi qua Đài Loan học đã hai năm nay, không có trách nhiệm với con, bỏ mặc con. Mặt khác bà V không có chỗ ở ổn định và khả năng kinh tế không tốt để đảm bảo nuôi cháu A nên ông đề nghị HĐXX giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[3] HĐXX xét thấy: nguyện vọng được nuôi con của bà V và ông L là hoàn toàn chính đáng. Song việc giao con cho ai nuôi phải đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con. Cả bà V và ông L đều có công việc làm và có mức thu nhập ổn định để nuôi con tốt. Tuy nhiên cháu A là cháu gái, hiện nay mới hơn 04 tuổi, cháu còn nhỏ nên rất cần có sự chăm sóc chu đáo từ người mẹ, nhất là sau này khi cháu bước vào tuổi dậy thì việc phát triển về tâm sinh lý của cháu cần có sự chỉ dạy, quan tâm đặc biệt từ người mẹ. Hơn nữa, hiện nay bà V là giảng viên đại học nên việc chăm sóc, nuôi dưỡng cháu A sẽ đảm bảo tốt hơn ông L.

[4] Ông Lâm cho rằng bà V bỏ con đi qua Đài Loan học đã hai năm nay, không có trách nhiệm với con. Tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay, ông L thừa nhận là ông không đồng ý cho bà V đi học và không đồng ý cho bà đem theo con sang Đài Loan, do đó, không có căn cứ cho rằng bà V bỏ mặc con. Trong thời gian bà V đi học, bà V vẫn về thăm con và từ tháng 7 năm 2024 bà V đã về Việt Nam ở và tiếp tục nghiên cứu sinh nên bà có nguyện vọng được nuôi con và không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con. Điều nay chứng tỏ, bà V rất tha thiết được nuôi dưỡng chăm sóc cháu A. Ngoài ra, ông L còn cho rằng bà V không có chỗ ở ổn định để nuôi con, HĐXX xét thấy việc bà V hiện nay đang ở nhà thuê không phải căn cứ để cho rằng bà V nuôi con không đảm bảo. Vì vậy HĐXX không chấp nhận ý kiến khai nại của ông L. Từ nhận định trên, HĐXX chấp nhận kháng cáo của bà V, sửa án sơ thẩm, giao con Trình Phương A cho bà V nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi, bà V không yêu cầu ông L cấp dưỡng nên HĐXX không đề cập giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Trong thời kỳ hôn nhân, bà V và ông L tạo lập được nhà và đất diện tích 75,2m² thuộc thửa đất số 87 tại đường Đ, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng trị giá 1.807.921.000 đồng. Ngoài ra, bà V và ông L có nợ của Ngân hàng TMCP N tính đến ngày 16/7/2024 số tiền là 930.764.861 đồng (Chín trăm ba mươi triệu bảy trăm sáu mươi tư ngàn tám trăm sáu mươi một đồng), trong đó nợ gốc là 925.960.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 4.804.861 đồng. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bà V và ông L đã tự nguyện thỏa thuận giao nhà cho ông L sở hữu, ông Lâm có nghĩa vụ trả nợ Ngân hàng TMCP N, đồng thời có nghĩa vụ thôi trả cho bà V số tiền là 250.000.000 đồng. Tuy nhiên sau khi xét xử sơ thẩm, bà V lại kháng cáo không đồng ý giao nhà cho ông L sở hữu, bà đề nghị chia theo pháp luật. HĐXX xét thấy: Việc thỏa thuận chia tài sản chung và trả nợ chung nêu trên của bà V và ông L thể hiện tại phiên hòa giải ngày 10/8/2024 và tại phiên tòa sơ thẩm là hoàn toàn tự nguyện. Mặt khác,

bà V cũng thừa nhận quá trình tạo lập nhà đất nêu trên là do công sức của ông L nhiều hơn nên việc thỏa thuận về chia tài sản và trả nợ chung của bà V và ông L là hoàn toàn phù hợp với công sức đóng góp của các bên. Tòa án cấp sơ thẩm công nhận sự thỏa thuận giữa bà V và ông L về việc giao nhà đất nêu trên cho ông L sở hữu, ông L có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng và có nghĩa vụ thôi trả cho bà V số tiền 250.000.000 đồng là có căn cứ. Vì vậy HĐXX không chấp nhận nội dung kháng cáo này của bà V, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm về tài sản chung và nợ chung.

[6] Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông L cho rằng việc giao con cho bà V nuôi dưỡng là không đảm bảo, bởi vì bà V hiện không có chỗ ở ổn định đang ở nhà thuê, mức thu nhập không cao bằng ông L. Hơn nữa bà V phải sang Đài Loan để tiếp tục để bảo vệ luận án tiến sĩ. Ngoài ra, về tài sản chung thì bà V và ông L đã tự nguyện thỏa thuận chia tài sản và trả nợ chung ở giai đoạn sơ thẩm và Tòa án cấp sơ thẩm đã công nhận thỏa thuận của hai bên. Do đó, đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của bà V, giữ nguyên quyết định sơ thẩm.

[7] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát thành phố Đà Nẵng có quan điểm cho rằng việc Tòa án cấp sơ thẩm giao con cho ông L nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp vì hiện nay bà V vẫn chưa hoàn thành khóa học Tiến sĩ, ông L đã nuôi dưỡng con từ khi bà V đi học, cuộc sống của cháu A đã ổn định nên đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo về yêu cầu nuôi con của bà V. Đối với tài sản chung và nợ chung thì giữa bà V và ông L đã tự nguyện thỏa thuận. Do đó, đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của bà V, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[8] HĐXX xét thấy quan điểm của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông L và của đại diện VKS về con chung là không có căn cứ như HĐXX đã nhận định nêu trên, do đó HĐXX không chấp nhận. Về tài sản chung và nợ chung, HĐXX chấp nhận như quan điểm của Luật sư và đại diện VKS.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Tòa án cấp sơ thẩm quyết định buộc bà V phải chịu 300.000 đồng án phí về ly hôn là không đúng theo hướng dẫn tại Điều 11 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao. Vì vậy, HĐXX phúc thẩm sửa phần này, buộc bà V và ông L mỗi người phải chịu án phí về ly hôn là 75.000 đồng.

[10] Các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

[11] Về án phí phúc thẩm: Do chấp nhận một phần kháng cáo nên bà V không chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 37, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 11 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

I. Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Hoàng Thị V.

II. Sửa Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 75/2024/HNGĐ-ST ngày 14 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân quận L như sau:

1. *Về quan hệ con chung:* Giao con chung Trình Phương A, sinh ngày 16/9/2020 cho bà Hoàng Thị V trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Ông Trình Thế L không cấp dưỡng nuôi con chung.

Các đương sự có các quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con.

2. *Về tài sản chung:*

Giao cho ông Trình Thế L được quyền sở hữu ngôi nhà cấp IV, có kết cấu 01 tầng, móng đá học, cột dầm, mái tôn, trần thạch cao, tường xây, diện tích xây dựng 64,2m², diện tích sàn 64,2m² và được quyền sử dụng diện tích đất ở 75,2m² thuộc thửa đất số 87, tờ bản đồ số 245 tại phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng (Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 940418 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 26/9/2016).

Ông Trình Thế L có nghĩa vụ bồi trả cho bà Hoàng Thị V số tiền 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng).

Ông Trình Thế L được quyền liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thực hiện đăng ký quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và bà Hoàng Thị V có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Trình Thế L chậm thực hiện nghĩa vụ đối với khoản tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. *Về nợ chung:*

Ông Trình Thế L có nghĩa vụ trả nợ vay cho Ngân hàng TMCP N - Chi nhánh Đà Nẵng số tiền vay tính đến ngày 16/7/2024 là 930.764.861 đồng (Chín

trăm ba mươi triệu bảy trăm sáu mươi tư ngàn tám trăm sáu mươi một đồng). Trong đó, tiền gốc là 925.960.000 đồng và tiền lãi trong hạn là 4.804.861 đồng.

Ông Trình Thế L có nghĩa vụ tiếp tục trả tiền gốc và lãi tính từ ngày 17/7/2024 cho đến khi thanh toán hết nợ vay theo nội dung thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 153/2021/VCB-HK ngày 10/05/2021.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Hoàng Thị V và ông Trình Thế L mỗi người phải chịu án phí về thuận tình ly hôn là 75.000 đồng (bảy mươi lăm ngàn đồng).

Bà Hoàng Thị V được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0000386 ngày 28/12/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận L, thành phố Đà Nẵng. Hoàn trả cho bà V 225.000 đồng (hai trăm hai mươi lăm ngàn đồng).

Bà Hoàng Thị V phải chịu án phí chia tài sản chung là 6.250.000 đồng (Sáu triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng).

Ông Trình Thế L phải chịu án phí chia tài sản chung là 29.368.815 đồng (Hai mươi chín triệu ba trăm sáu mươi tám ngàn tám trăm mười lăm đồng) và án phí về thực hiện nghĩa vụ trả nợ là 19.961.473 đồng (Mười chín triệu chín trăm sáu mươi một ngàn bốn trăm bảy mươi ba đồng), nhưng ông L được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 34.622.800 đồng theo Biên lai thu số 0000580 ngày 17/4/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận L, thành phố Đà Nẵng. Ông L còn phải nộp tiếp số tiền 14.707.488 đồng (Mười bốn triệu bảy trăm lẻ bảy ngàn bốn trăm tám mươi tám đồng).

5. Về chi phí tố tụng:

Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 2.000.000đ (Hai triệu đồng), ông L và bà V mỗi người phải chịu số tiền là 1.000.000 đồng.

Chi phí thẩm định giá tài sản là 10.800.000đ (Mười triệu tám trăm ngàn đồng), ông L và bà V mỗi người phải chịu số tiền 5.400.000 đồng.

Ông Trình Thế L đã nộp tạm ứng số tiền 12.800.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản, do đó bà Hoàng Thị V có nghĩa vụ trả cho ông L số tiền là 6.400.000 đồng (Sáu triệu bốn trăm ngàn đồng).

III. Các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

IV. Về án phí dân sự phúc thẩm, bà Hoàng Thị V không phải chịu. Hoàn trả cho bà V 300.000 đồng số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí số 0008892 ngày 04/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận L, thành phố Đà Nẵng.

V. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP Đà Nẵng;
- TAND Quận L;
- Đội quản lý THADS Quận L;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thái Thị Phi Yến